

- 5) $x - 43 = (57 - x) - 50$ 6) $311 - x + 82 = 46 + (x - 21)$
7) $-(x - 3 + 84) = (x + 70 - 71) - 5$ 8) $-x + (-53) = (-42) - (+41)$
9) $453 + x = -443 + (-199)$ 10) $46 - x = -21 + (-87)$
11) $x - 96 = (443 - x) - 150$ 12) $-(754 + x) = (x - 12 - 741) - 23$
13) $(-x + 821 + 534) = 499 + (x - 84)$ 14) $-(-x) + (-6) - (+8) = -(-2)$

Bài 04: Tìm số nguyên x biết rằng.

- 1) $|3x - 15| = 0$ 2) $|x - 8| = 7$ 3) $|-x + 2| = 4$ 4) $|x + 9| = 12$
5) $|48 - 3x| = 0$ 6) $|4 - x| = 21$ 7) $|-x - 7| = 24$ 8) $|x + 8| + 12 = 0$

Bài 05: Chứng minh rằng với a, b $\in \mathbb{Z}$ thì

- a. $a - b$ và $b - a$ là hai số đối nhau. b. $|a - b| = |b - a|$.

Bài 06: Tìm số nguyên x biết rằng: $2002 < |x + 1| < 2007$ và $|x + 1|$ đạt giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.

Bài 07: Tìm x, y, z $\in \mathbb{Z}$ biết: a) $|x - 3| = 2$ b) $|x + 2| \leq 1$ c) $|x + 20| + |y - 11| + |z + 2007| \leq 0$

Bài 08: a) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $A = |x - 1| + 1980$ với $x \in \mathbb{Z}$

b) Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức $B = -|x - 3| + 1986$ với $x \in \mathbb{Z}$

Chú ý: Học sinh tích cực ôn tập để chuẩn bị thi học kì I đạt kết quả tốt.

@. COM.6CD.0986053022

TỜ BÀI TẬP SỐ 10

Bài 01: Thực hiện phép tính.

- 1) $6 - (-3) =$ 2) $-4 - 5 =$ 3) $-2 - (-7) =$ 4) $-12 - (+4) =$
5) $(+4) - (-8) =$ 6) $-5 - (+2) =$ 7) $-3 - (-23) =$ 8) $-4 - (+87) =$

Bài 02: Tìm x biết rằng.

- 1) $-2 + x = 7$ 2) $4 - x = -8$ 3) $-45 + x = -1$ 4) $-12 - x = 87$
5) $x + (-34) = 4$ 6) $-x + (-6) = -13$ 7) $4 + (-x) = -65$ 8) $-77 + (-x) = 43$

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>

9) $x - 5 = -1$ 10) $x + 30 = -4$ 11) $x - (-24) = 3$ 12) $22 - (-x) = 12$

13) $(x + 5) + (x - 9) = x + 2$

Bài 03: Thực hiện phép tính.

1) $-32 - (9 - 6)$ 2) $-28 - (26 - 86)$ 3) $14 - (41 - 98)$ 4) $-45 - [2 - (7 - 9)]$

Bài 04: Tìm x biết: a) $15 - (4 - x) = 6$ b) $-30 + (25 - x) = -1$

Bài 05: Tính bằng cách hợp lí.

a) $-2007 + (-21 + 75 + 2007)$ b) $1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$

Bài 06: a) Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết.

a) $|x - 1| = 3$ b) $|x + 2| = 6$ c) $|x - 4| = -3$ d) $|-3 - x| = 5$ e) $|-9 + x| - 8 = 0$

b) Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết.

a) $461 + (x - 45) = 387$ b) $11 - (-53 + x) = 97$ c) $-(x + 84) + 213 = -16$

Bài 07: Thu gọn biểu thức sau.

1) $(a + b + c - d) - (a - b + c - d)$

2) $(-a + b - c + d) + (a - d) - (-b + c)$

3) $-(a - b - d) + b - c + d - (-c + b + d)$

Bài 08: a) Chứng minh đẳng thức sau.

$$-(-a + b + c) + (b + c - 1) = (b - c + 6) - (7 - a + b) + c.$$

b) Cho $A = a + b - 5$; $B = -b - c + 1$; $C = b - c - 4$; $D = b - a$

Chứng minh rằng: $A + b = B + C$.

Bài 09: Cho $a > b$; tính $|S|$ biết. $S = -(a - b - c) + (-c + b + a) - (a + b)$

Bài 10: a) $M = a + b - 1$ và $N = b + c - 1$. Biết $M > N$ hỏi hiệu $a - c$ dương hay âm?

b) Cho $M = (-a + b) - (b + c - a) + (c - a)$.

Trong đó $b, c \in \mathbb{Z}$ còn a là một số nguyên âm. Chứng minh rằng biểu thức M luôn dương.

Bài 11: Cho $A = a - b + c - 1$; $B = a + 2$ với $a, b, c \in \mathbb{Z}$

Biết $A = B$, chứng minh rằng b và c là hai số nguyên liên nhau.

Bài 12: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết: $1 < |x-2| < 4$

Bài 13: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết: $x \in \{ -2; -1; 0; 1; \dots; 11 \}$ và $y \in \{ -89; -88; -87; \dots; -1; 0; 1 \}$

Tìm giá trị lớn nhất (GTLN) và giá trị nhỏ nhất (GTNN) của hiệu $x \square y$.

Bài 14: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết.

a) $|x-20| = 11$ b) $|x-5| = x-5$ c) $|x-6| = 6-x$ d) $|x+2| + |x+3| = x$

TỜ BÀI TẬP SỐ 11

Bài 01: Cho $a, b, c \in \mathbb{Z}$; $A = a - b + c$; $B = -a + b - c$. CMR: A và B là hai số đối nhau.

Bài 02: Đơn giản biểu thức sau khi bỏ dấu ngoặc:

- a) $(a + b - c) - (b - c + d)$
- b) $-(a - b + c) + (a - b + d)$
- c) $(a + b) - (-a + b - c)$
- d) $-(a + b) + (a + b + c)$
- e) $(a - b + c) - (a - b + c)$
- f) $-(a - b - c) + (a - b - c)$
- g) $(a + b + c) - (a - b + c)$
- h) $(a + b - c) + (a - b) - (a - b - c)$
- i) $-(a - b - c) + (-a + b - c) - (-a - b + c)$
- j) $(a + b + c - d) - (a - b + c - d)$
- k) $(-a + b - c + d) + (a - d) - (-b + c)$
- l) $-(a - b - d) + (b - c + d) - (-c + b + d)$

Bài 03: Chứng minh đẳng thức sau:

a. $(a - b) + c - d - (a + c) = -(b + d)$ b. $(a - b) - (c - d) + (b + c) = a + d$

Bài 04: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết rằng:

1) $|x+1| = 23$ 2) $|x-4| = 10$ 3) $|-7+x| = 8$ 4) $|-3-x| = 77$

5) $|x-2| = -1$ 6) $|x-(-9)| = 4$ 7) $|x-(+6)| = 12$ 8) $|-x+(-3)| = 3$

Bài 05: a) Tính các tổng đại số.

1) $S_1 = -5 + 12 - 9 - 23 - 56 + 74 - 33 - 27$

2) $S_2 = -97 - 15 + 44 - 35 - 12 + 98$

3) $S_3 = 23 + 9 - 74 + 33 + 5 + 27 - 12 + 56$

4) $S_4 = 15 + 35 + 12 - 44 - 98 + 97$

b) Tìm quan hệ giữa S_1 và S_3 ; S_2 và S_4

Bài 06: Thực hiện phép tính. a) $-23 - (-64 - 23) - 64$

b) $441 - [-31 - (-80 + 664)]$

BÀI TẬP ÔN TẬP

Bài tập 01: Rút gọn các phân số: $\frac{14}{-42}$; $\frac{-16}{64}$; $\frac{18}{72}$; $\frac{20}{-120}$; $\frac{24}{-42}$; $\frac{-24}{36}$; $\frac{-8}{56}$; $\frac{29}{-87}$; $\frac{-3.5.7}{6.7.9}$;

$\frac{-7.8.9.10}{11.12.13.14}$; $\frac{121212}{454545}$; $\frac{-13.6+12.5}{6.(-7)-(-4).6}$; $\frac{3.6+2.9.5-18.(-4)}{7.(-7)+12.(-7)+7}$; $\frac{2.3.4.5.6-3.4.5.6.7}{2.4.6-4.6.8}$; $\frac{12121212}{45454545}$; $\frac{ababab}{xyxyxy}$

Bài tập 02: Cho phân số $A = \frac{n+5}{n-1}$ với $n \in \mathbb{Z}$ và $n \neq 0$.

a) Số nguyên n phải thoả mãn đk gì để phân số A tồn tại ?

b) Tìm phân số A , khi $n = 0$; $n = 5$; $n = 7$.

c) Với giá trị nào của n thì A là số nguyên ?

Bài tập 03: Tìm phân số $\frac{a}{b}$ bằng phân số $\frac{48}{120}$, biết:

a) Tổng của tử và mẫu là 42

b) Hiệu của tử và mẫu là 57

c) Tích của tử và mẫu là 90

Bài tập 04: Tìm phân số $\frac{a}{b}$ bằng phân số $\frac{18}{27}$, biết:

a) Tổng của tử và mẫu là 10

g) BCNN(a, b) = 90

b) Hiệu của tử và mẫu là 3

h) ƯCLN(a, b) = 54

c) Tích của tử và mẫu là 150

i) BCNN(a, b) . ƯCLN(a, b) = 3456

Bài tập 05:Viết các phân số sau dưới dạng phân số có mẫu dương: $\frac{-12}{-75}$; $\frac{5}{-34}$; $\frac{4}{-21}$; $\frac{-32}{-55}$; $\frac{44}{-89}$; $\frac{-1}{-9}$

Bài tập 06: Tìm số nguyên x biết: a) $\frac{3}{8} = \frac{x}{24}$ b) $\frac{-2}{-5} = \frac{6}{x}$ c) $\frac{-x}{12} = \frac{1}{3}$ d) $\frac{-4}{y} = \frac{2}{-3}$

e) $\frac{x}{6} = \frac{y}{-12}$ f) $\frac{-2}{y} = \frac{8}{-14}$ g) $\frac{2x}{-7} = \frac{20}{-14}$ h) $\frac{-x}{12} = \frac{1}{6}$ i) $\frac{-61}{8} = \frac{61}{-y}$ k) $\frac{2}{x} = \frac{y}{-3}$

Bài tập 07: Tìm các số nguyên x, y, z, t, biết: a) $\frac{12}{-6} = \frac{x}{5} = \frac{-y}{3} = \frac{z}{-17}$ b) $\frac{-24}{-6} = \frac{x}{3} = \frac{4}{y^2} = \frac{z^3}{-2}$

Bài 08: Lập các phân số bằng nhau từ đẳng thức: $m \cdot n = p \cdot q$ ($m, n, p, q \in \mathbb{Z}$; m, n, p, q khác 0)

Bài tập 09: Cho $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ CMR: a) $\frac{a}{b} = \frac{a+c}{b+d}$ b) $\frac{a+b}{c+d} = \frac{a}{c}$

Bài tập 10: Cho $M = \frac{1+2+\dots+8+9}{11+12+\dots+18+19}$

a) Rút gọn M b) Xoá 1 số hạng ở tử và 1 số hạng ở mẫu của M để được ps mới vẫn bằng M.

TỜ BÀI TẬP SỐ 38

Bài 01: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA, vẽ hai tia OB, OC sao cho $\angle BOA = 125^\circ$, $\angle COA = 50^\circ$. Tính $\angle BOC$.

Bài 02: Gọi Ot, Ot' là hai tia nằm trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng xy đi qua O. Biết $\angle xOt = 40^\circ$, $\angle yOt' = 60^\circ$. Tính $\angle yOt$, $\angle yOt'$.

Bài 03: Gọi Ot, Ot' là hai tia nằm trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng xy đi qua O. Biết $\angle xOt = 30^\circ$, $\angle yOt' = 50^\circ$. Tính $\angle yOt$, $\angle yOt'$.

Bài 04: Gọi Ot, Ot' là hai tia nằm trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng xy đi qua O. Biết $\angle xOt = 80^\circ$, $\angle yOt' = 60^\circ$. Tính $\angle yOt$, $\angle yOt'$.

Bài 05: Vẽ hai góc kề bù xOy, yOx', biết $\angle xOy = 150^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc xOy. Tính $\angle x'Ot$

Bài 06: Vẽ hai góc kề bù xOy, yOx', biết $\angle xOy = 50^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc xOy. Tính $\angle x'Ot$, $\angle xOt'$.

Bài 07: Vẽ hai góc kề bù xOy, yOx' , biết $\angle xOy = 90^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc xOy . Tính $\angle x'Ot, \angle xOt'$.

Bài 08: Vẽ hai góc kề bù xOy, yOx' , biết $\angle xOy = 150^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc xOy , Ot' là tia phân giác của góc yOx' . Tính $\angle xOt', \angle x'Ot, \angle tOt'$

Bài 09: Vẽ hai góc kề bù xOy, yOx' , biết $\angle xOy = 70^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc xOy , Ot' là tia phân giác của góc yOx' . Tính $\angle x'Ot, \angle xOt', \angle tOt'$

Bài 10: Vẽ góc bẹt xOy . Vẽ tia phân giác Oz của góc đó. Vẽ các tia Ot, Ot' lần lượt là các tia phân giác của góc xOz và yOz . Tính $\angle tOt'$.

Bài 11: Cho hai tia Oy, Oz cùng nằm trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox . Biết $\angle xOy = 40^\circ, \angle xOz = 120^\circ$. Vẽ các tia Oa, Ob lần lượt là các tia phân giác của các góc xOy, yOz . Tính $\angle aOb$.

Bài 12: Cho hai tia Oy, Oz cùng nằm trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox . Biết $\angle xOy = 90^\circ, \angle xOz = 150^\circ$. Vẽ các tia Ot, Ot' lần lượt là các tia phân giác của các góc xOy, yOz . Tính $\angle tOt'$.

Bài 13: Cho Oz là tia phân giác của góc xOy . CMR: $\angle xOz = \frac{1}{2} \angle xOy$.

Bài 14: Cho góc xOy có $\angle xOy = \alpha$ ($0 < \alpha \leq 180^\circ$). Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox , vẽ tia Oz sao cho $\angle xOz = \frac{\alpha}{2}$. CMR: Oz là tia phân giác của góc xOy .

Bài 15: Hãy vẽ ba tia chung gốc Ox, Oy, Oz , trong đó $\angle xOz = \angle zOy$ mà Oz không phải là tia phân giác của góc xOy .

Bài 16: Cho góc bẹt AOB . Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ AB , vẽ các tia OC, OD sao cho $\angle AOC = 70^\circ, \angle BOD = 55^\circ$. CMR: Tia OD là tia phân giác của góc BOC .

Bài 17: Cho $\angle AOB = 100^\circ$ và OC là tia phân giác của góc đó. Trong góc AOB , vẽ các tia OD, OE sao cho $\angle AOD = \angle BOE = 20^\circ$. CMR: Tia OC là tia phân giác của góc DOE .

Bài 18: Cho $\angle xOy = 130^\circ$. ở trong góc đó vẽ hai tia Om, On sao cho $\angle xOm + \angle yOn = 100^\circ$.

a) Trong ba tia Ox, Om, On tia nào nằm giữa hai tia còn lại ?

b) Tính $\angle mOn$.

Bài 19: Cho hai tia đối nhau Ox, Oy . Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng xy ta vẽ hai tia Om và On sao cho $\angle xOm = 45^\circ$, $\angle yOn = 75^\circ$. Tính $\angle mOn$.

Bài 20: Vẽ ΔABC biết $AB = 4\text{cm}$, $BC = 5\text{cm}$, $CA = 3\text{cm}$.

TỜ BÀI TẬP SỐ 40

Bài 01: Cho đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$. Vẽ (A; 2,5cm) và (B; 3cm) cắt nhau tại C và D.

a) Kẻ các đoạn thẳng AC, CB, AD, BD. Tính tổng các cạnh của ΔABC và ΔABD .

b) (A; 2,5cm) cắt AB tại I. CMR: I là trung điểm của đoạn thẳng AB.

c) (B; 3cm) cắt AB ở K. Tính IK.

d) CMR: Điểm K nằm trong đường tròn tâm A, còn điểm I nằm trong đường tròn tâm B.

Bài 02: Trên đường thẳng x'x lấy điểm O tùy ý. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng x'x, vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $\angle xOz = 30^\circ$, $\angle x'Oy = 4$. $\angle xOz$.

a) Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại ?

b) CMR: Oz là tia phân giác của góc xOy. c) Gọi Oz' là tia phân giác của góc x'Oy. Tính góc zOz' ?

Bài 03: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA, vẽ các tia OB, OC sao cho $\angle AOB = 30^\circ$, $\angle AOC = 75^\circ$.

a) Tính $\angle BOC$. b) Gọi OD là tia đối của tia OB. Tính số đo của góc kề bù với góc BOC.

Bài 04: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ các tia Oy, Oz sao cho Bài 03: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA, vẽ các tia OB, OC sao cho $\angle AOB = 30^\circ$, $\angle AOC = 75^\circ$.
 $\angle xOy = 35^\circ$, $\angle xOz = 70^\circ$.

a) Tia nào trong ba tia Ox, Oy, Oz nằm giữa hai tia còn lại ?

b) Tia Oy có phải là tia phân giác của góc xOz không ? Vì sao ?

Bài 05: Cho góc AOB và tia OC nằm trong góc đó. Gọi OD, OE theo thứ tự là tia phân giác của các góc AOC và BOC.

a) Tính góc DOE, biết $\angle AOB = 120^\circ$. b) Hai tia OA, OB có tính chất gì, nếu $\angle DOE = 90^\circ$

Bài 06: Cho góc aOb và tia Ot nằm giữa Oa, Ob . Các tia Om, On thứ tự là tia phân giác của các góc aOt, bOt . CMR: $\angle mOn = \frac{\angle aOb}{2}$.

Bài 07: Cho hai góc kề bù aOt và bOt . Gọi Om, On thứ tự là tia pg của hai góc đó. Tính $\angle mOn$.

Bài 08: Cho hai góc kề bù aOt và bOt . Vẽ tia phân giác Od của góc bOt . Biết góc bOt lớn hơn góc aOt là 20° . Tính $\angle aOd$.

Bài 09: Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ ba tia Oy, Oz, Ot sao cho $\angle xOy = 50^\circ, \angle xOz = 75^\circ, \angle xOt = 100^\circ$. Xác định xem tia nào là tia phân giác của một góc ?

Bài 10: Cho hai góc kề DOE và DOF , mỗi góc bằng 150° . Hỏi tia OD có phải là tia phân giác của góc EOF không ? Vì sao ?

Bài 11: Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA ta vẽ các tia OB, OC sao cho $\angle AOB = 50^\circ, \angle AOC = 150^\circ$. Vẽ các tia OM, ON thứ tự là các tia phân giác các góc AOB và AOC .

a) Tính $\angle MON$. b) Tia OB có phải là tia phân giác của góc MON không ? Vì sao ?

chú ý: + *H/s cần phải vẽ hình chính xác và đẹp.*

+ *Phân tích kỹ bài toán bằng sơ đồ.*

+ *Trình bày lời giải bài toán theo sơ đồ.*

Ôn tập hình học

bài 01: Trên tia Ox , vẽ hai điểm A, B sao cho $OA = 3cm, OB = 9cm$.

Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Tính OM .

bài 02: Trên tia Ox xác định điểm C, I sao cho $OC < OI$.

Trên tia Oy là tia đối của tia Ox xác định điểm D sao cho $OC = OD$.

CMR: a) Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng CD . b) $2OI = IC + ID$

bài 03: Cho đoạn thẳng AB . Gọi M là trung điểm của AB , D là trung điểm của MB .

a) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng CD không ? b) CMR: $2CD = AB$

bài 04: Cho đoạn thẳng AB . Hãy xác định vị trí của điểm C trên đoạn thẳng AB sao cho $CA \leq CB$.

bài 05: Cho đoạn thẳng AB. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB.

Một điểm C bất kì thuộc đường thẳng AB. Tính IC theo CA và CB.

bài 06: Gọi M, N, P là ba điểm trên tia Ox sao cho $OM = 2\text{cm}$, $ON = 3\text{cm}$, $OP = 5\text{cm}$. So sánh MN và NP.

bài 07: Cho A và B là hai điểm trên tia Ox sao cho $OA = a$ (cm) với $a > 0$; $AB = 2\text{cm}$. Tính OB.

bài 08: Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$. Lấy hai điểm E và F nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AE + BF = 7\text{cm}$.

a) CMR: Điểm E nằm giữa hai điểm B và F. b) Tính EF.

bài 09: Vẽ hai tia chung gốc Ox, Oy. Trên tia Ox lấy hai điểm A và B (điểm A nằm giữa O và B).

Trên tia Oy lấy hai điểm M, N sao cho $OM = OA$; $ON = OB$.

a) CMR: Điểm M nằm giữa O và N. b) So sánh AB với MN.

bài 10: Cho ba điểm M, N, O sao cho $OM = 2\text{cm}$; $ON = 2\text{cm}$; $MN = 4\text{cm}$.

Vì sao có thể khẳng định O là trung điểm của đoạn thẳng MN.

bài 11: Trên tia Ox lấy hai điểm A và M sao cho $OA = 3\text{cm}$, $OM = 4,5\text{cm}$.

Trên tia Ax lấy điểm B sao cho M là trung điểm của AB.

Hỏi điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

bài 12 : Cho đoạn thẳng $AB = 6\text{cm}$. Lấy hai điểm C, D thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = BD = 2\text{cm}$. Gọi M là trung điểm của AB.

a) Giải thích vì sao M cũng là trung điểm của CD.

b) Tìm trên hình vẽ những điểm khác cũng là trung điểm của đoạn thẳng.

bài 13: Trên tia Ax lấy hai điểm O và B sao cho $AO = 2\text{cm}$; $AB = 5\text{cm}$.

Gọi I là trung điểm của OB. Tính AI.

bài 14: Trên đường thẳng xy lấy một điểm O và hai điểm M, N sao cho: $OM = 2\text{cm}$; $ON = 3\text{cm}$.

Vẽ các điểm A và B trên đường thẳng xy sao cho:

M là trung điểm của OA; N là trung điểm của OB. Tính độ dài AB.

chú ý: Đọc kĩ bài toán, vẽ hình, phân tích bài toán để tìm lời giải.

@ . COM6CD.0986053022

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>

ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 6 HKI

Năm học : 2012-2013

A/ SỐ HỌC :

I/ Dạng bài tập về tập hợp :

Bài 1: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp :

$$a/ A = \{x \in \mathbb{N} / 12 < x < 16\} \quad ; \quad b/ B = \{x \in \mathbb{N}^* / x < 5\} \quad ; \quad c/ C = \{x \in \mathbb{N} / 13 \leq x \leq 15\}$$

Bài 2: a/ Viết tập hợp B các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 15 bằng 2 cách

b/ Tập hợp A có bao nhiêu phần tử ? c/ Tính tổng các phần tử của tập hợp B

II/ Dạng bài tập tính giá trị của biểu thức :

Bài 1: Tính nhanh :

$$a/ 153 + 25 + 127 + 175 \quad ; \quad b/ 75.36 + 75.64 \quad ; \quad c/ 2.125.25.5.4.8.11 \quad ;$$

$$d/ 2^4.49 + 2^4.31 + 2^4.19 \quad ; \quad e/ 11+13+15+\dots+99 \quad ;$$

Bài 2 : Tính giá trị của biểu thức:

$$a/ 50+3.(25-16)^2 + 15^0 \quad ; \quad b/ 2^2.5^2-3^5:3^3 \quad ; \quad c/ 80- [130-(12-4)^2]$$

$$d/ 100: \{2.[52-(35-8)]\} \quad ; \quad e/ 24:\{300:[375-(150+15.5)]\}$$

III/ Dạng bài tập tìm số tự nhiên x biết :

$$a/ x+18 = 108 \quad ; \quad b/ 2x - 3^2 = 7^2 \quad ; \quad c/ 10 + 2x = 6^5 : 6^3 \quad ; \quad d/ 12x - 33 = 3^2.3^3$$

$$e/ 124 + (118 - x) = 217 \quad ; \quad g/ 125 - 5(x + 4) = 25 \quad ; \quad h/ (6x - 39) : 3 = 201$$

$$k/ 16 : x-1 \quad ; \quad m/ 720 : 2x = 15$$

IV/ Dạng bài tập về ƯC, BC, ƯCLN ; BCNN

Bài 1 : Tìm ƯCLN rồi tìm UC

$$a/ 16 \text{ và } 24 \quad ; \quad b/ 180 \text{ và } 234 \quad ; \quad c/ 60, 90 \text{ và } 135$$

Bài 2 : Phân tích 90 và 252 ra thừa số nguyên tố rồi tìm :

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>